

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2026

*V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

2. Bà Trần Thị Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 228/2026/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lục Thị L, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Thế N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Lục Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Hoàng Thế N vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trình bày quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lục Thị L trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị L và anh Hoàng Thế N tự tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện, được cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm ngày 04/7/2016 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang). Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N không tu trí làm ăn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi chửi nhau. Chị L và anh N đã sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài thêm. Chị L xin được ly hôn với anh Hoàng Thế N

Về con chung: Chị Lục Thị L và anh Hoàng Thế N có 01 con chung tên là Hoàng Trà M, sinh ngày 18/9/2015, chị L đề nghị anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu M 18 tuổi trưởng thành, chị L trợ cấp nuôi con mức 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi cháu M trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Hoàng Thế N đến để giải quyết vụ án việc chị Lục Thị L đề nghị ly hôn nhưng anh N đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Lục Thị L. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh N vẫn đăng ký thường trú tại thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Ma Thị X (mẹ đẻ của anh Hoàng Thế N) cung cấp như sau: Chị L và anh N được tự do tìm hiểu nhau và đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị L và anh N chung sống tại thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Bà X cho biết khoảng năm 2020 chị L đi làm công nhân, thời gian đầu chị L vẫn về thăm gia đình, cho đến 02 năm trở lại đây chị L không về thăm gia đình chồng và ăn tết bên nhà ngoại, chị L không nói với bố mẹ chồng việc chị L xin ly hôn. Anh N có biết nội dung chị L xin ly hôn nhưng anh N không muốn ly hôn với chị L, anh N đã nhiều lần trao đổi với chị L để mong chị L suy nghĩ lại để quay về đoàn tụ.

Chị Lục Thị L và anh Hoàng Thế N có 01 con chung là cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 18/9/2015, cháu M hiện nay đang sống cùng anh N1 và ông bà nội. Anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M vì anh N đang làm nghề lao động tự do tại thôn và có thời gian để chăm sóc, trông nom cháu M.

Bà X xác định việc chị L nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án anh N có được biết, tuy nhiên do anh N đi làm Youtube tại thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang nên không đến tòa án làm việc được. Bà X đã thông báo cho anh N biết về việc chị L xin ly hôn với anh N, anh N trao đổi lại ý kiến, không muốn vợ chồng ly hôn, anh N mong muốn chị L suy nghĩ lại và rút đơn ly hôn với anh N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Lục Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Hoàng Thế N.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 18/9/2015 cho chị Lục Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Thế N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản, nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định cho chị Lục Thị L. Anh Hoàng Thế N, không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Chị Lục Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Hoàng Thế N; Anh Hoàng Thế N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang. Việc Tòa án có xác minh thu thập chứng cứ, do đó vụ án thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy anh Hoàng Thế N đăng ký thường trú tại thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập, gia đình anh N đã thông báo cho anh N nhưng anh N không đến tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Hoàng Thế N vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Lục Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2016 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của bà Ma Thị X và kết quả xác minh tại thôn C, xã T cho thấy: Cuộc sống chung của vợ chồng chị L và anh N thực tế đã không tồn tại từ cuối năm 2024 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lục Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Hoàng Thế N.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung tên là Hoàng Trà M, sinh ngày 18/9/2015. Khi ly hôn chị L có đề nghị đề anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị L nhận cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/01tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận định, anh N không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến về nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Cháu M có nguyện vọng được ở với chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Hoàng Trà M cho chị Lục Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lục Thị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định cho chị Lục Thị L, do chị L là dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, anh Hoàng Thế N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Lục Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lục Thị L được ly hôn với anh Hoàng Thế N (*Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 04/7/2016 của UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang- Nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 18/9/2015 cho chị Lục Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Thế N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định cho chị Lục Thị L, do chị L là dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí,

Anh Hoàng Thế N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lục Thị L và anh Hoàng Thế N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2- Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Tân An- Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Lê Thị Thanh Tâm
Sáu**

Trần Thị

Đào Thị Bích Ngọc

